

Số: **373** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **23** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2020
của UBND huyện Ba Tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của UBND huyện Ba Tư tại Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 20/02/2020 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 457/SNV ngày 13/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2020 của UBND huyện Ba Tư.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Ba Tư tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách, dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Ba Tư và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

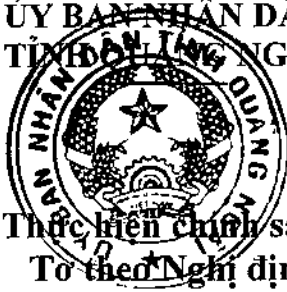
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NC, v1161.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng



ĐỀ ÁN

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 của UBND huyện Ba Tơ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ (Ban hành kèm theo Quyết định số ~~373~~ /QĐ-UBND ngày ~~23~~ / 3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

I. Đặc điểm tình hình

Ba Tơ là huyện miền núi, có diện tích tự nhiên 113.669ha, dân số toàn huyện 59438 người; với tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 20, trong đó 19 xã và 01 thị trấn.

Cơ cấu bộ máy trực thuộc UBND huyện bao gồm 13 cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu UBND huyện quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực.

Tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Khối hành chính gồm 13 cơ quan:

- Văn phòng huyện;
- Thanh tra;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

7. Do năng lực chuyên môn, do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục đảm nhận công việc, không thể bố trí công việc khác phù hợp.

III. Kế hoạch tinh giản biên chế

Căn cứ vào thực trạng về tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức và định hướng kế hoạch cho các năm tiếp theo; Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và có kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2020, có 12 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ,

(Có danh sách cụ thể kèm theo).

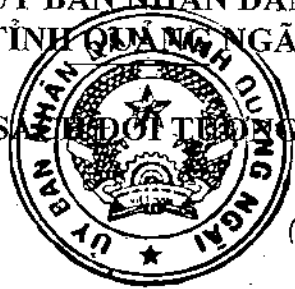
IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TỈNH GIẢN

UBND huyện Ba Tơ được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tỉnh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, viên chức theo quy định.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tỉnh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tỉnh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Ba Tơ có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tỉnh giản biên chế của địa phương mình, báo cáo cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ)./.



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ NĂM 2020 CỦA UBND HUYỆN BA TƠ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số ~~373~~ /QĐ-UBND ngày ~~23~~ /~~3~~ /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn được đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhận | Số năm đóng BHXH | Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế | Thời điểm tính giảm biên chế | Lý do tính giảm biên chế | Ghi chú |
|----------|-------------------------|---------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------|--|------------------------------|---|---------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| I | KHỐI SỰ NGHIỆP | | | | | | | | |
| | Nghỉ hưu trước tuổi | | | | | | | | |
| | Trường Tiểu học Ba Dinh | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Văn Lang | 02/12/1964 | Trung cấp | Phó Hiệu trưởng | 33 năm 6 tháng | 56 tuổi 03 tháng | 01/4/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giảm biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |
| | Trường TH&THCS Ba Điền | | | | | | | | |
| 2 | Phạm Văn Ước | 08/9/1964 | Trung cấp | Giáo viên tiểu học | 33 năm 6 tháng | 55 tuổi 5 tháng | 01/4/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giảm biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |

| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|---|---|------------|-----------|--------------------|-----------------|------------------|-----------|---|---|
| | <i>Trường TH&THCS Ba Lê</i> | | | | | | | | |
| 3 | Hồ Thị Thanh Tâm | 29/6/1967 | Cao đẳng | Giáo viên tiểu học | 22 năm 02 tháng | 52 tuổi 8 tháng | 01/4/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |
| | <i>Trường Tiểu học thị trấn Ba Tơ</i> | | | | | | | | |
| 4 | Lê Thị Chính | 16/9/1967 | Cao đẳng | Giáo viên tiểu học | 31 năm 9 tháng | 52 tuổi 8 tháng | 01/6/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |
| | <i>Trường Tiểu học Ba Thành</i> | | | | | | | | |
| 5 | Huỳnh Hữu Nhân | 05/4/1965 | Đại học | Giáo viên tiểu học | 31 năm 9 tháng | 55 tuổi | 01/5/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |
| | <i>Trường PTDTBT TH&THCS Ba Trang</i> | | | | | | | | |
| 6 | Phạm Văn Triệu | 10/12/1964 | Trung cấp | Giáo viên tiểu học | 35 năm 6 tháng | 55 tuổi 02 tháng | 01/4/2020 | Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và (NH 2017-2018) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (NH 2018-2019) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp | |
| | <i>Trường TH&THCS Ba Bích</i> | | | | | | | | |

| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|----|--------------|------------|-------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|---|---|
| 11 | Phạm Văn Mía | 02/3/1962 | Trung cấp Hành chính | Chủ tịch UBMTTQV N | 31 năm | 58 tuổi | 01/4/2020 | Có 02 năm liên tiếp liên kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế (Năm 2018 và 2019) | |
| 12 | Phạm Văn Mêu | 20/10/1962 | Chưa qua đào tạo | Công chức Văn hóa - Xã hội | 22 năm 3 tháng | 57 tuổi 5 tháng | 01/4/2020 | Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa | |

(Danh sách này có 12 người) ↓